

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **62/2019/DS-PT**
Ngày: 26-4-2019
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Đào.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Thành Dương
Ông Vũ Hồng Luyện

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú-Cán bộ TAND tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phùng Đức Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 53/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 93/2019/QĐ-PT ngày 28/3/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồ Chông S, sinh năm 1935.

Địa chỉ: Khu 2, ấp Ba, xã P, huyện Đ, Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Mạnh T', sinh năm 1968.

Địa chỉ: Bùi Trọng N, tổ N, khu phố M, phường T, thành phố B, Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Đ, Đồng Nai.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1958.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Đ, Đồng Nai.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T.
(Ông T' và bà T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 15/01/2018 của ông Hồ Chồng S; bản tự khai ngày 20/3/2018, các bản khai tiếp theo, đại diện của nguyên đơn là ông Hà Mạnh T' trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Mỹ T là người thu mua hạt điều còn ông Hồ Chồng S có vườn điều tại ấp B, xã P và khi đến mùa vụ, ông S thường bán hạt điều cho bà T nên hai người đã biết nhau từ trước. Từ tháng 11/2011 đến tháng 5/2012 bà T đã 09 lần vay tiền của ông S để sử dụng cá nhân với tổng số tiền 104.000.000đ. Khi vay tiền, hai bên thỏa thuận miệng thời hạn thanh toán là sau 01 năm kể từ ngày nhận tiền. Mỗi lần nhận tiền vay, bà T đều viết vào sổ theo dõi của ông S về ngày vay và số tiền vay.

Cuối tháng 5/2013 ông S gặp bà T đòi lại tiền nhưng bà T cứ hẹn mà không trả tiền. Đến ngày 10/7/2014, bà T đến nhà ông để đối chiếu và viết giấy nhận tổng số nợ là 104.000.000đ, đồng thời hẹn thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 10/5/2015. Khi viết giấy có ông Phạm Viết N (cán bộ thủy lợi xã P) tình cờ ghé nhà ông S uống trà nên ông N có chứng kiến và ký tên làm chứng. Đã qua thời hạn cam kết, ông S đã nhiều lần gặp và nhắc qua người quen nhưng bà T không trả nợ.

Nay ông Hồ Chồng S yêu cầu bà T phải trả cho ông số tiền đã vay mượn là 104.000.000đ, ông không yêu cầu tiền lãi.

- *Theo biên bản ghi lời khai ngày 01/3/2018 bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:*

Bà với ông Hồ Chồng S không quan hệ thân thích và không mâu thuẫn gì với nhau. Bà quen biết ông S là do vào khoảng năm 2009 ông S nhờ bà tìm người bán miếng đất 22 héc ta (ha) tại ấp B, xã P, huyện Đ và hứa sẽ cho bà tiền cò đất (tiền hoa hồng môi giới) mỗi héc ta là 5.000.000đ. Khi thỏa thuận, ông S không làm văn bản và cũng không ai làm chứng cho bà.

Bà tìm được người mua đất là bà Nguyễn Thị T'' và họ đã mua xong miếng đất của ông S trong năm 2009. Như vậy, ông S phải trả tiền cò cho bà là 95.000.000đ (vì đất ông S qua mua bán đo đạc có diện tích chỉ khoảng 19ha)

Tuy nhiên sau khi bán được đất, ông S không giữ lời hứa, không trả tiền cò cho bà như thỏa thuận. Bà gặp và đòi tiền hoa hồng thì ông S hăm dọa bà.

Thấy ông S có thái độ không tốt, bà nghĩ cách lấy lại tiền cò mà không cần phải đối chọi với ông S nên chọn cách mượn tiền của ông dần dần cho đủ số tiền hoa hồng bà được hưởng.

Bà thừa nhận trong khoảng cuối năm 2011 đến giữa năm 2012, bà vay mượn tiền ông S nhiều lần với tổng số tiền 104.000.000đ. Khi mượn tiền, bà chỉ nói cần tiền và hỏi mượn thì ông S đưa mà không thắc mắc lý do bà mượn tiền. Thực tế, bà lấy tiền của ông S để trang trải các khoản tiền đã bỏ ra để chi phí cho việc tìm người mua đất cho ông S như: tiền điện thoại, tiền chi phí ăn uống, chi phí đi lại, tiền qua đò...

Đến năm 2014, ông S kêu bà ra nhà ông và buộc bà phải viết biên nhận nợ ông 104.000.000đ.

Bà đã được Tòa án cho xem chứng cứ của ông S là “Biên nhận” của người vay Nguyễn Thị Mỹ T lập ngày 10/7/2014 và thừa nhận: Chữ ký, chữ viết trong chứng cứ này là do chính bà viết, ký ra nên bà không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định.

Khi bà viết biên nhận này thì viết tại nhà ông S, có rất nhiều người đàn ông của ông S vây quanh và có ông Phạm Viết N đứng sau lưng bà, đọc nội dung biên nhận nợ để bà viết lại. Do lo sợ nguy hại đến tính mạng nên bà phải viết biên nhận nợ mà lẽ ra ông S phải trả tiền cò đất cho bà trước. Sau khi viết biên nhận nợ, bà không nói cho ai biết và cũng không báo cho Công an hay chính quyền địa phương về việc bị ông S ép viết biên nhận nợ tiền.

Từ khi viết biên nhận đến nay, bà chưa trả cho ông S khoản tiền mượn nào vì thực tế biên nhận nợ là để cản trở vào tiền cò.

Bà không yêu cầu phản tố ông S nhưng bà đề nghị Tòa án xem xét cản trừ số tiền hoa hồng 95.000.000đ vào số tiền bà đã mượn của ông S 104.000.000đ.

Chồng bà tên Nguyễn Văn N không biết việc bà làm cò đất cho ông S cũng như việc bà mượn tiền của ông S nên chồng bà không liên quan gì đến vụ án này.

- Theo biên bản ghi lời khai ngày 03/7/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông là chồng bà Nguyễn Thị Mỹ T nhưng ông không biết việc bà T làm cò đất cho ông Hồ Chông S. Ông cũng không biết bà T mượn tiền của S và ông không biết gì về khoản tiền này nên ông không liên quan gì đến việc vay mượn của bà T.

Tại bản án sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 25/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán đã tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện

“*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của ông Hồ Chồng S đối với bà Nguyễn Thị Mỹ T. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ T có trách nhiệm trả cho ông Hồ Chồng S số tiền 104.000.000đ (một trăm lẻ bốn triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/11/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Chồng S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thu thập chứng cứ đầy đủ khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo, phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ luật tố tụng quy định.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ T Việc ông S cho bà T vay nhiều lần không lãi suất từ năm 2011 đến 2012 thể hiện qua giấy “Biên nhận” ngày 10/7/2014 được các bên thừa nhận. Việc bà T cho rằng bị ép buộc khi viết giấy biên nhận nợ nhưng không có chứng cứ gì chứng minh. Cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Mỹ T kháng cáo và nộp tiền tạm ứng phí trong hạn luật định nên được chấp nhận theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà T các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện: Bà T thừa nhận “Biên nhận” ngày 10/7/2014 của ông Hồ Chồng S cung cấp cho Tòa là do bà viết ra và ký với các số tiền vay của ông S: Ngày 25/11/2011 vay 20.000.000đ, ngày 27/11/2011 vay 5.000.000đ, ngày 07/12/2011 vay 22.000.000đ, ngày 13/12/2011 vay 10.000.000đ, ngày 26/12/2011 vay 5.000.000đ, ngày 20/01/2012 vay

10.000.000đ, ngày 09/2/2012 vay 13.000.000đ, ngày 30/3/2012 vay 14.000.000đ, ngày 03/5/2012 vay 5.000.000đ tổng số tiền bà T thừa nhận vay của ông S là 104.000.000đ. Người làm chứng là ông Phạm Viết N cũng trình bày việc bà T viết giấy biên nhận là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc; Như vậy dưới sự chứng kiến của ông Phạm Viết N tại thời điểm viết và ký biên nhận bà T nhận thức đầy đủ về hành vi của mình khi viết giấy Biên nhận. Biên nhận ngày 10/7/2014 được nguyên đơn cung cấp và bị đơn thừa nhận nên được coi là hợp pháp, là chứng cứ không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, bà T cho rằng giữa bà và ông S có thỏa thuận sau khi môi giới bán đất cho ông S thì bà T sẽ được hưởng số tiền hoa hồng 95.000.000đ từ ông S nhưng sau khi bán 19 ha đất cho bà Nguyễn Thị T'' thì ông S lại không thực hiện theo thỏa thuận thanh toán 95.000.000đ tiền môi giới đất cho bà. Hơn nữa, bà T cho rằng bà Nguyễn Thị T'' là người làm chứng biết sự việc trên, cấp sơ thẩm đã tiến hành lấy lời khai bà Nguyễn Thị T'' nội dung bà T'' trình bày được thể hiện như sau: *“Việc môi giới bán đất cho ông S giữa ông S và bà T thỏa thuận như thế nào thì bà T không biết”*. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà T không cung cấp tài liệu, văn bản nào thể hiện có sự thỏa thuận ông S sẽ thanh toán 95.000.000đ cho bà T tiền môi giới đất. Đồng thời ông Hồ Chồng S cũng không thừa nhận có sự thỏa thuận về việc ông phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà T 95.000.000đ và bà Nguyễn Thị T'' người làm chứng cũng không hề hay biết về thỏa thuận giữa bà và ông S phải có nghĩa vụ thanh toán tiền môi giới đất cho bà T. Từ những phân tích ở trên cho thấy Tòa cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện toàn bộ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ của các bên. Kháng cáo của bà T không có cơ sở nên không được chấp nhận. Giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm

Áp dụng Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, 146, 184, khoản 1 và 3 Điều 228, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 305, 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37, 45 của Luật hôn nhân và gia đình năm

2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của ông Hồ Chồng S đối với bà Nguyễn Thị Mỹ T. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ T có trách nhiệm trả cho ông Hồ Chồng S số tiền 104.000.000đ (Một trăm lẻ bốn triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5.200.000đ và 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 005826 ngày 20/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán. Số tiền bà Nguyễn Thị Mỹ T còn phải nộp là 5.200.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân Đào